

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG, LÂM TRƯỜNG DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH – NGHIÊN CỨU TẠI CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP HÒA BÌNH

Phạm Thanh Quế¹, Phạm Phương Nam², Nguyễn Văn Quân², Nguyễn Nghĩa Biên³

¹*Nghiên cứu sinh, Khoa Quản lý Đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Khoa Quản lý Đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

³*Viện Điều tra, Quy hoạch rừng*

TÓM TẮT

Sắp xếp, đổi mới các nông, lâm trường (NLT) là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong quá trình sắp xếp, đổi mới các NLT, việc giải quyết vấn đề đất đai là đặc biệt quan trọng tạo nền tảng cho quá trình phát triển. Trong các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đã thực hiện sắp xếp, đổi mới, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, với diện tích đất đai lớn đang nắm giữ, là một trong những đơn vị đi đầu. Mô hình sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tự đứng ra tổ chức sản xuất. Tuy nhiên, do diện tích đất đai quá lớn, trải rộng trên nhiều địa bàn nên Công ty đã phải dựa vào cộng đồng địa phương thông qua hình thức giao khoán trực tiếp, liên doanh liên kết với cộng đồng người dân. Hiện tại, diện tích Công ty đang quản lý, sử dụng là 11.510,2 ha, trong những năm gần đây diện tích đất rừng giao cho các cộng đồng quản lý, sử dụng ngày càng tăng chủ yếu là dưới hình thức liên doanh liên kết. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện thì hình thức quản lý, sử dụng đất dựa vào cộng đồng tại các công ty nông, lâm nghiệp nói chung và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình nói riêng còn rất nhiều những khó khăn, vướng mắc. Do vậy, trên cơ sở kế thừa, nghiên cứu và phân tích những tài liệu thu thập được bài viết tập trung phân tích thực trạng công tác quản lý và sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, đánh giá những thuận lợi và những khó khăn, tồn tại trong công tác quản lý đất đai dựa vào cộng đồng của Công ty giai đoạn từ năm 2013 - 2015 từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất rừng.

Từ khóa: cộng đồng, dựa vào cộng đồng, đất đai, Hòa Bình, quản lý, sử dụng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-TU ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh. Các nông, lâm trường trong cả nước đã thực hiện tiến trình sắp xếp, đổi mới và đã đạt được những hiệu quả rất lớn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp phải nhiều vấn đề khó khăn, trở ngại đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp để giải quyết.

Hòa Bình là một tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Tây Bắc, với diện tích đất đai chủ yếu là đồi núi, địa hình phức tạp, thành phần dân tộc đa dạng, chủ yếu là đồng bào dân tộc ít người nên công tác quản lý, sử dụng đất gặp nhiều khó khăn. Các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh cũng đã thực hiện sắp xếp, đổi mới và cũng đã đạt được những kết quả nhất định.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, được thành lập năm 1998, quá trình sắp xếp, đổi mới phục vụ cho việc phát triển bắt đầu được thực hiện vào năm 2008 theo tinh thần Nghị quyết 28/NQ-TU. Hiện tại Công ty quản lý 7 lâm trường thành viên, với tổng diện tích đất trên 11 nghìn ha, trải rộng trên 11 huyện của tỉnh Hòa Bình, xen kẽ vùng dân cư sinh

sống, đời sống các hộ dân khó khăn, phần lớn dựa chủ yếu vào các hoạt động nông – lâm nghiệp [3].

Để quản lý, sử dụng hiệu quả diện tích đất đai, Công ty đã đứng ra tự sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, diện tích đất đai do Công ty quản lý rất lớn, nhiều diện tích đất đai quá xa, địa hình phức tạp, hiểm trở không thuận tiện cho sản xuất, nguồn lao động của Công ty không đáp ứng đủ. Chính vì vậy, một trong những hình thức sản xuất mà Công ty lựa chọn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất là dựa vào cộng đồng dưới hình thức giao khoán hoặc liên doanh liên kết. Đây là một hình thức được đánh giá là đem lại hiệu quả sử dụng đất cao và bền vững. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện thì hình thức này cũng còn rất nhiều khó khăn, vướng mắc cần khắc phục.

Bài viết tập trung đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng đất dựa vào cộng đồng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, từ đó đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

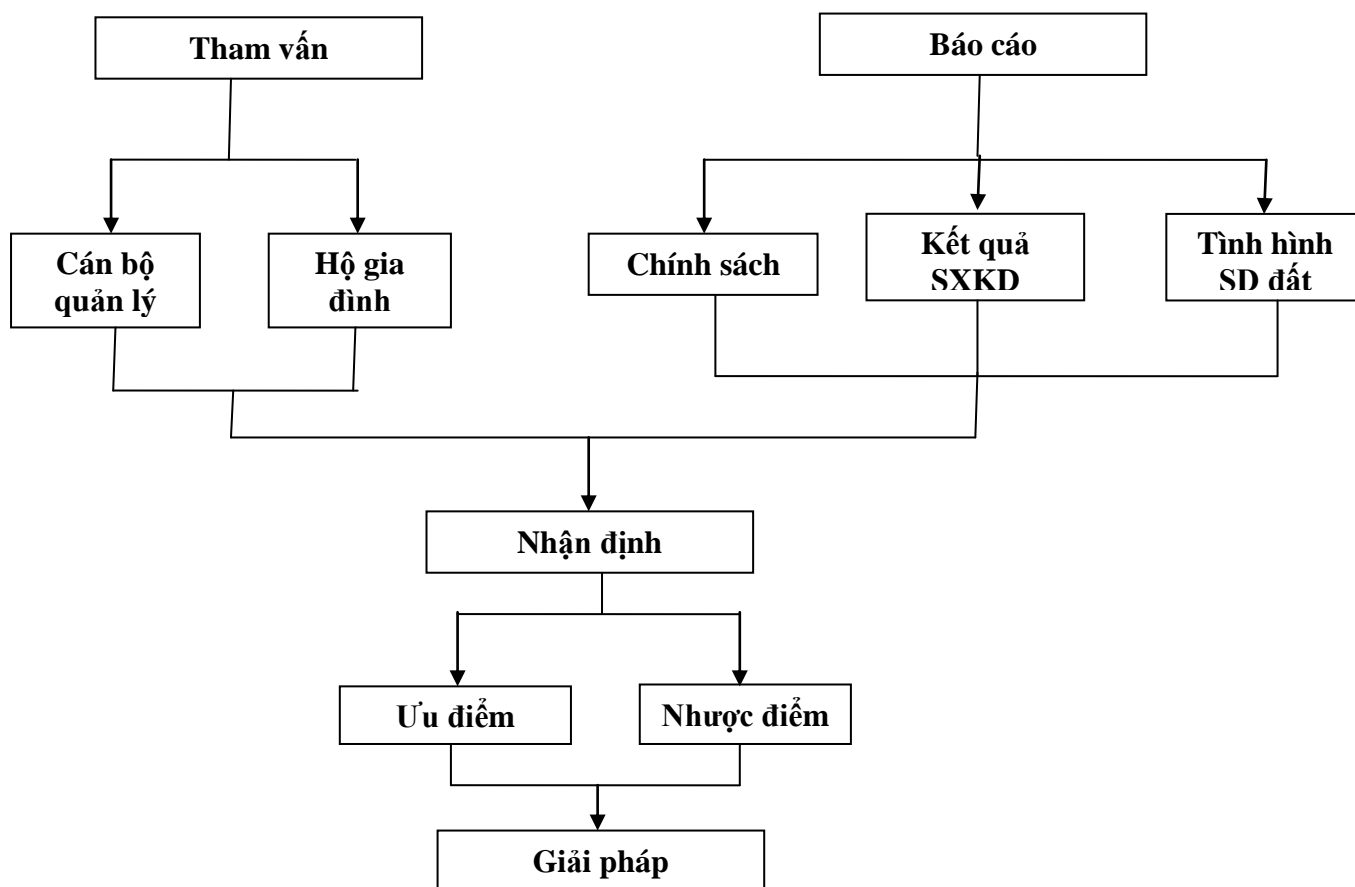
- Phương pháp điều tra thu thập số liệu thứ cấp: Bài viết chủ yếu sử dụng số liệu thứ cấp về tình hình quản lý và sử dụng đất của Công ty để phân tích, đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất dựa vào cộng đồng hiện nay của Công ty, làm cơ sở cho các giải pháp đề xuất. Là các quy định của Nhà nước; Báo cáo tổng kết về tình hình quản lý, sử dụng đất của công ty; Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty qua các năm từ 2013 – 2015.... Thông qua việc tìm hiểu các báo kết hợp việc so sánh đối chiếu với các số liệu tham vấn khác để kiểm tra chéo, đối chiếu và từ đó rút ra những kết luận về tình hình quản lý, sử dụng đất rừng thực tại, đưa ra những giải pháp phù hợp.

- Phương pháp phân tích: bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm tóm tắt, phân tích, so sánh và trình bày số liệu.

- Phương pháp tham vấn: Trong quá trình thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả có sử dụng phương pháp tham vấn các cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý, sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu về những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng của công ty. Cụ thể, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp các cán bộ quản lý của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình, Cán bộ phụ trách Lâm nghiệp của UBND huyện Kỳ Sơn, Cán bộ địa chính phụ trách lâm nghiệp của 3 xã là Xã Lâm Sơn - huyện Lương Sơn, xã Dân Hạ - huyện Kỳ Sơn, xã Cổ Nghĩa – huyện Lạc Thủy và 30 hộ dân trực tiếp tham gia liên doanh, liên kết sản xuất, kinh doanh trên đất rừng của Công ty của 3 xã kể trên.

Quá trình nghiên cứu được thực hiện thông qua việc nghiên cứu các báo cáo từ việc thực hiện các chính sách, kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình sử dụng đất của đơn vị, kết hợp với quá trình tham vấn các cán bộ quản lý và trực tiếp các hộ gia đình tham gia công tác quản lý, sử dụng đất rừng. Từ đó phân tích, đánh giá, nhận định được những ưu điểm, những vấn đề còn thiếu sót trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng của công ty và từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng.

Quá trình nghiên cứu được thực hiện theo sơ đồ nghiên cứu sau:



3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng

Quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng là hình thức quản lý đã được hình thành từ rất lâu đời, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển. Trong quản lý, sử dụng đất rừng, trước hết, “cộng đồng” là một tập hợp những người sống gắn bó với nhau thành một xã hội nhỏ có những đặc điểm tương đồng về mặt văn hoá, kinh tế, xã hội truyền thống, phong tục tập quán, có các quan hệ trong sản xuất và đời sống gắn bó với nhau và thường có ranh giới không gian trong một thôn bản [2]. “Cộng đồng dân cư”, theo Điều 9, Luật Đất đai năm 2003 và Điều 5, Luật Đất đai năm 2013, lại được coi là: “*cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng một địa bàn thôn, làng, bản, ấp, buôn, phum sóc và các điểm dân cư tương tự có cùng phong tục tập quán hoặc có chung dòng họ được nhà nước giao đất hoặc cộng nhận quyền sử dụng đất*”. Trong khi đó, Colchester (1995) cho rằng quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng là hình thức mà quyền sử dụng đất, các quyền đối với đất và rừng là những yếu tố quan trọng được quản lý, sử dụng dựa vào cộng đồng [16].

Ở Việt Nam, hình thức quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng được hình thành từ rất lâu đời, gắn với việc người dân cư trú và canh tác nương rẫy luân canh, săn bắn và hái lượm từ đầu thiên niên kỷ thứ nhất sau công nguyên. Hơn nữa, hình thức quản lý này còn gắn chặt với thiết chế và tổ chức cộng đồng, với các giá trị văn hóa và tâm linh của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Mặc dù các cộng đồng bản địa đã hình thành các khái niệm của mình về

quyền sử dụng đất đai, nhưng luật pháp nhà nước không xác nhận quyền này. Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, mặc dù Nhà nước đã khẳng định quyền sở hữu đối với đất rừng, nhưng vẫn chưa có được các giải pháp trong sử dụng đất rừng gắn với các cộng đồng. Hầu hết đất rừng và các tư liệu sản xuất khác đều đặt dưới quyền quản lý của các lâm trường, hợp tác xã [12].

Sau Đổi mới năm 1986, mặc dù rào cản của cơ chế quản lý cũ về rừng và đất rừng đã bị phá vỡ nhưng ảnh hưởng chi phối của nhà nước trong việc quản lý tài nguyên vẫn còn tồn tại. Các diện tích đất dùng cho sinh kế theo truyền thống [15], như luân canh nương rẫy, khai thác, sử dụng dược liệu đều bị coi là “đất hoang”, “đất trống đồi núi trọc” và do đó nằm dưới sự quản lý của Nhà nước.

Luật Đất đai 2003 ra đời đã tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý, sử dụng đất dựa vào cộng đồng. Lần đầu tiên, cộng đồng được ghi nhận là một chủ thể sử dụng đất.¹ Đặc biệt, các nông, lâm trường có diện tích đất đai lớn, lực lượng lao động ít, không đủ để tự đứng ra sản xuất kinh doanh buộc phải dựa vào cộng đồng để quản lý, sử dụng đất.

Đa phần các nông, lâm trường đã thực hiện các hình thức giao khoán hoặc liên doanh liên kết với các cộng đồng (hộ gia đình cá nhân, các nhóm hộ và cộng đồng thôn bản). Đây là hình thức được đánh giá là đem lại hiệu quả vừa đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh vừa tạo điều kiện cho cộng đồng dân cư sống gần rừng đảm bảo sinh kế, làm giàu từ nghề rừng. Nội dung tiếp theo về thực tế quản lý, sử dụng đất rừng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình sẽ giúp làm sáng tỏ điều này.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng đất rừng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình

Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình được thành lập theo Quyết định số 19/1998/QĐ-UB ngày 28/3/1998 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc chuyển đổi Lâm trường Kỳ Sơn thành Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình và sát nhập các Lâm trường Kim Bôi, Lương Sơn, Lạc Thủy, Tu Lý vào Công ty. Theo Quyết định số 07/2000/QĐ-UB ngày 02/02/2000 của UBND tỉnh Hòa Bình, Công ty Lâm nghiệp Hòa Bình được giao quản lý, sử dụng rừng và đất lâm nghiệp trên 5 đơn vị: *Lâm trường Lương Sơn, Lạc Thủy, Tu Lý, Kim Bôi và Xí nghiệp Kỳ Sơn*. Sau 3 năm, Lâm trường *Tân Lạc và Lạc Sơn* tiếp tục được chuyển giao cho Công ty quản lý theo Quyết định số 141/QĐ-UB ngày 24/01/2003 của UBND tỉnh Hòa Bình. Trên cơ sở phương án sắp xếp, chuyển đổi đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt tại Quyết định số 444/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01/02/2008, Công ty Lâm nghiệp Hoà Bình được đổi tên thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hoà Bình theo Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng diện tích được giao và được thuê của Công ty theo Quyết định số 07/QĐ-UB ngày 02/02/2000 và Quyết định số 141/QĐ-UB ngày 24/01/2003 là 21.275,3 ha. Tổng diện tích này được giao cho 7 đơn vị thành viên quản lý nhưng manh mún, dàn trải trên 11 huyện của tỉnh, xen kẽ vùng dân cư sinh sống.

Trong quá trình sắp xếp lại diện tích đất đai, tổng diện tích thực tế đơn vị được giao,

¹ Khoản 3, Điều 9.

được thuê theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính năm 2012 và kết quả rà soát đất đai, diện tích giữ lại để sản xuất, diện tích giao trả lại địa phương quản lý là 21.275,3 ha,² trong đó diện tích trả về địa phương quản lý là 11.266,71 ha, diện tích Công ty tiếp tục giữ lại quản lý sử dụng là 11.510,20 ha [13].

Bảng 1: Hiện trạng tài nguyên đất rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình

TT	Đơn vị	Diện tích đang quản lý (ha)	Diện tích sau sắp xếp	
			Giữ lại (ha)	Trả địa phương (ha)
1	Lâm trường Lương Sơn	2.534,9	2.180,0	354,9
2	XNLN Kỳ Sơn	5.119,3	2.608,2	2.511,1
3	Lâm trường Tu Lý	4.355,8	2.503,4	1.852,4
4	Lâm trường Kim Bôi	2.436,1	588,6	1.847,5
5	Lâm trường Lạc Thủy	1.999,7	1.061,4	938,3
6	Lâm trường Tân Lạc	2.102,6	1198,3	904,3
7	Lâm trường Lạc Sơn	2.726,9	1.370,3	1.356,6
	Tổng cộng	21.275,3	11.510,2	9.765,1

(Nguồn: Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình, 2015) [13]

Toàn bộ diện tích Công ty trả về địa phương đều là những diện tích xen kẹt, diện tích do người dân lấn chiếm, giao khoán trùng khó quản lý [13].

Trong diện tích Công ty giữ lại, 89,67% được sử dụng để sản xuất, kinh doanh (trong đó đất trồng rừng sản xuất chiếm 88,16%, đất rừng phòng hộ chỉ chiếm 10,42%, còn lại là các loại đất khác); 9,33% diện tích còn lại là đất trống, đa phần là núi đá và sông ngòi, khe núi rất khó khăn trong khai thác sử dụng [13].

Diện tích các loại đất của công ty được thể hiện chi tiết qua bảng sau:

Bảng 2: Diện tích các loại đất Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ trọng (%)
I	Đất nông nghiệp	1.0320,87	89,67
1.	Đất rừng sản xuất	9.098,98	88,16
2.	Đất rừng phòng hộ	1.075,76	10,42
3.	Đất nông nghiệp khác	146,13	1,42
II	Đất phi nông nghiệp	114,36	0,99
III	Đất chưa sử dụng	1.074,97	9,34
	Tổng	11.510,20	100

(Nguồn: Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình, 2015) [13]

² Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 và Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 của UBND tỉnh Hòa Bình.

Đối với 9.098,98 ha diện tích đất rừng sản xuất, Công ty thực hiện theo hình thức tự đứng ra tổ chức sản xuất là chủ yếu. Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương “xã hội hóa nghề rừng” theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Công ty đã thực hiện giao khoán lại cho các hộ dân và cộng đồng dân cư các địa phương và hình thức liên doanh liên kết trong sản xuất kinh doanh. Công tác sản xuất kinh doanh trên diện tích đất này tương đối thuận lợi và đem lại hiệu quả cao. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất cũng nảy sinh một số mâu thuẫn chủ yếu như chấp, lấn chiếm đất đai do việc giao khoán diện tích đất không rõ ràng, không phân định được ranh giới trên thực địa [10].

Bên cạnh đó, diện tích thực tế sau khi đo đạc lại của Công ty cũng sai lệch so với diện tích trên hồ sơ sổ sách. Nguyên nhân chính là do trước đây, khi giao các Lâm trường về công ty thì bàn giao nguyên trạng không đo đạc lại. Trong khi đó số liệu diện tích trước đây của các Lâm trường được tính toán bằng lưới ô vuông nên có sai số lớn [13].

3.3. Các loại hình quản lý, sử dụng đất của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình

Hiện nay công ty đang thực hiện 2 loại hình sản xuất kinh doanh chính là: [9], [11]

- Mô hình rừng quốc doanh: Công ty trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh.
- Mô hình dựa vào cộng đồng: dưới hình thức khoán (liên doanh) với người dân địa phương và các cán bộ công nhân viên.

Thông qua báo cáo tài chính của Công ty và việc phỏng vấn trực tiếp người sử dụng đất cho thấy việc phân chia lợi nhuận của hình thức khoán (liên doanh) được thực hiện theo hình thức Công ty cho người nhận khoán vay vốn trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng trên đất của Công ty quản lý. Đến cuối chu kỳ khi khai thác, chủ hộ nhận khoán trả Công ty vốn + lãi + phí sử dụng đất. Trung bình khoảng 40 m³/ha. Người nhận khoán được hưởng khoảng 50-60m³/ha [9], [11].

Diện tích đất rừng giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng của công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình được thể hiện quan bảng sau:

Bảng 3: Diện tích đất rừng giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng

Đơn vị: ha

Hình thức sản xuất	Diện tích (ha)		
	2013	2014	2015
Tự tổ chức sản xuất	1.451,2	1.525,6	1.629,4
Khoán (liên doanh)	3.739,3	3.050,7	2.982,0
Cộng	5.190,5	4.576,3	4.611,4

(Nguồn: *Cty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình, 2015a*) [10]

Trong một vài năm trở lại đây, diện tích rừng khoán có xu hướng tăng do thực hiện các chính sách đặc biệt là chính sách “xã hội hóa nghề rừng”. Điều này đã tạo điều kiện ổn định đời sống của người dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Những người có cuộc sống gắn bó với rừng, sinh kế phụ thuộc chủ yếu vào nghề rừng nhưng lại thiếu đất sản xuất [10].

Số liệu tại Bảng 3 cho thấy, diện tích đất rừng được tổ chức quản lý, sử dụng dựa vào cộng đồng theo hình thức khoán (liên doanh) lớn hơn so với diện tích tự tổ chức sản xuất kinh

doanh. Trong những năm từ 2013 – 2015 Công ty thực hiện sắp xếp lại cơ cấu đất đai, nhiều diện tích đất đã được trả về cho địa phương quản lý chính vì vậy diện tích đất khoán cho các đối tượng có giảm nhưng vẫn cao hơn gấp 1,8 – 2,5 lần so với diện tích tự tổ chức sản xuất.

3.4. Một số tồn tại trong công tác quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình

Như đã đề cập ở trên, do diện tích đất đai lớn, việc quản lý, sử dụng đất của Công ty phải phụ thuộc nhiều vào mô hình quản lý dựa vào cộng đồng. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện cũng còn gặp rất nhiều những khó khăn, tồn tại cần giải quyết, cụ thể:

- Thông qua báo cáo tình nghiệm thu, chăm sóc và bảo vệ rừng của công ty cho thấy Hòa Bình là một tỉnh thuộc vùng Tây Bắc có địa hình phức tạp, độ dốc cao, khí hậu khắc nghiệt, điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Mặt khác, toàn bộ diện tích đất Công ty quản lý lại ở vùng sâu, vùng xa, địa hình hiểm trở, dẫn đến hiệu quả sản xuất hiện chưa cao, chưa thu hút được đông đảo lao động, nhiều diện tích đất vẫn còn chưa được khai thác hiệu quả do chưa được quy hoạch hoặc xen kẽ với đất của dân cư và các địa phương. Nhiều diện tích đất không sử dụng được như những khe suối, diện tích dốc, đá lẫn nhiều, đất xấu, không tách được ra khi giao mà vẫn tính vào tổng diện tích đất được giao để tính tiền thuê đất hàng năm [10].

- Qua nghiên cứu báo cáo công tác sản xuất kinh doanh cùng với việc điều tra phỏng vấn các đối tượng quản lý và sử dụng đất trực tiếp cho thấy: Đất đai của Công ty được giao cho 7 đơn vị thành viên, trải rộng trên 11 huyện của tỉnh, xen kẽ vùng dân cư sinh sống, đời sống của các hộ dân ở đây còn khó khăn, cuộc sống hàng ngày chủ yếu dựa vào việc canh tác nông – lâm nghiệp. Trong khi đó, áp lực dân số ngày càng tăng, cùng với việc buông lỏng trong quản lý đất đai để nhiều hộ, thành viên trong Công ty lấn chiếm, sử dụng đất chưa đúng mục đích, lãng phí đất đai, cá biệt có những hộ sử dụng, chuyển nhượng đất đai trái quy định [9], [11].

- Qua nghiên cứu báo cáo thuyết minh về việc lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình [13] cùng với việc điều tra trực tiếp các cán bộ và các hộ dân cho thấy: Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, cho thuê, cho mượn đất trái pháp luật vẫn còn diễn ra khá phổ biến, kéo dài từ nhiều năm nhưng chưa được giải quyết. Nguyên nhân chủ yếu do việc giao đất trước đây không rõ ràng, cụ thể, chủ yếu là xác định trên giấy tờ không đo đạc, cắm mốc thực địa, dẫn đến có nhiều nơi giao đất "chồng" lên đất của các hộ dân, tổ chức khác đang sử dụng. Việc xác định ranh giới, mốc giới giữa đất của công ty và của người dân địa phương chưa rõ ràng, cụ thể dẫn đến tình trạng tranh chấp, lấn chiếm. Chưa xác định được ranh giới các diện tích công ty không có nhu cầu sử dụng trả lại địa phương. Hiện diện tích này chủ yếu là bỏ trống, người dân tự ý khai thác, lấn chiếm nên rất khó xác định.

- Theo báo cáo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Hòa Bình [10], khi thực hiện giao khoán theo Nghị định 135 cho người dân trong vùng, đồng nghĩa với việc liên kết với người dân nhưng còn chưa rõ ràng cụ thể, cả về ranh giới sử dụng đất lẫn cơ chế hưởng lợi, chính vì vậy dẫn đến tình trạng các chủ nhận khoán không trả vốn cho Công ty, khai thác trộm bán cho tư thương, lấn chiếm đất đai của Công ty.

- Bên cạnh đó, thông qua việc tham vấn các đối tượng quản lý và sử dụng đất rừng trên địa bàn cho thấy: Thành phần dân số trong khu vực đất quản lý của công ty đa số là dân tộc thiểu số (30 hộ đều là dân tộc Mường), trình độ dân trí không cao nên khó khăn trong công tác áp dụng khoa học kỹ thuật và thực hiện pháp luật.

3.5. Một số giải pháp góp phần tăng cường công tác quản lý, sử dụng đất rừng dựa vào cộng đồng

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong các nông, lâm trường, ngoài hình thức tự tổ chức sản xuất kinh doanh thì không thể thiếu hình thức liên doanh, liên kết, quản lý, sử dụng đất dựa vào cộng đồng. Thông qua nghiên cứu các tài liệu đã thu thập được và tham khảo trực tiếp các đối tượng sử dụng đất để việc quản lý, sử dụng đất dựa vào cộng đồng được tốt hơn thì cần có một số giải pháp như sau:

- Thứ nhất, thực hiện dự án rà soát, cắm mốc ranh giới, xây dựng và chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, cấp đổi, cấp mới GCN quyền sử dụng đất. Thực hiện phân định rõ diện tích cần bàn giao lại cho địa phương quản lý, diện tích Công ty giữ lại quản lý sử dụng. Hiện tại UBND tỉnh Hòa Bình đã phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và dự toán lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong đó có phần diện tích của Công ty.

- Thứ hai, qua tham vấn các cán bộ công ty, các cán bộ các xã có sử dụng đất liên doanh với Công ty cùng với người dân địa phương thì việc cần làm ngay là giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn đất đai trên địa bàn Công ty quản lý với người dân địa phương. Để làm được điều này cần thành lập các tổ tư vấn phối hợp với UBND các xã nhằm thực hiện việc phân định rõ ranh giới sử dụng đất.

- Thứ ba, qua điều tra các hộ dân trực tiếp sử dụng đất rừng thì cần xây dựng phương thức sử dụng đất hợp lý, thu hút sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động sản xuất thông qua các hình thức khoán, liên kết kinh doanh. Thu hút sự tham gia của cộng đồng vào công tác quản lý, sử dụng đất rừng bằng các hình thức khác nhau như *giao khoán trực tiếp cho cộng đồng; liên kết với cộng đồng...* Tuy nhiên, cần phải có cơ chế khoán phù hợp, đảm bảo lợi ích của các bên tham gia.

- Thứ tư, qua ý kiến của các hộ dân trồng rừng, hiện nay việc mở rộng diện tích trồng rừng liên doanh với cộng đồng dân cư có áp dụng chứng chỉ rừng FSC nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh rừng, nâng cao đời sống của người dân và bảo vệ môi trường sinh thái là hết sức có ý nghĩa. Cần có cơ chế để người dân được trực tiếp tham gia và đem lại lợi ích cho người dân. Tuy nhiên, người dân chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số nên cũng rất mong muốn được biết về giá trị của trồng rừng theo FSC vì vậy cần mở các lớp tập huấn về khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ người dân trong quản lý, sử dụng đất rừng.

4. KẾT LUẬN

Công tác quản lý, sử dụng đất của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Hòa Bình chủ yếu được thực hiện dưới hình thức là tự đứng ra tổ chức sản xuất kinh doanh. Nhưng bên cạnh đó, do diện tích đất đai quá lớn, trải rộng trên nhiều địa bàn nên Công ty đã phải dựa vào cộng

đồng địa phương thông qua hình thức giao khoán trực tiếp, liên doanh liên kết.

Trong những năm gần đây, diện tích đất rừng giao khoán có xu hướng tăng, điều này đã tạo điều kiện ổn định đời sống của người dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

Trong quá trình tổ chức sản xuất, kinh doanh, đối với các diện tích sản xuất dựa vào cộng đồng dưới hình thức giao khoán (liên doanh) còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp đòi hỏi cần phải có những giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Chính trị (2003). Nghị quyết số 28/NQ-TU ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2006). Cẩm nang ngành lâm nghiệp.
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015). Phương án cổ phần Hóa Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.
4. Bộ Tài nguyên và môi trường (2005). Thông tư số 04/2005/TT-BTNMT ngày 18/7/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai khi sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông lâm trường quốc doanh.
5. Bộ Chính trị (2014). Nghị quyết 30/NQ-TW của Bộ chính trị năm 2014 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông, lâm trường.
6. Chính phủ (2004). Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 của Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông lâm trường quốc doanh.
7. Chính phủ (2004). Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh.
8. Chính phủ (2005). Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ về giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các Nông, Lâm trường quốc doanh.
9. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình (2014). Báo cáo tài chính của Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình.
10. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình (2015a). Báo cáo tổng hợp diện tích nghiệm thu chăm sóc và bảo vệ rừng của công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình.
11. Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình (2015b). Báo cáo tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty THHH một thành viên Lâm nghiệp Hòa Bình.
12. Tô Xuân Phúc, Trần Hữu Nghị (2014). Giao Đất Giao Rừng Trong Bối Cảnh Tái Cơ Cấu Ngành Lâm Nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và sinh kế vùng cao, Truy cập ngày 15/10/2015 tại http://www.forest-trends.org/documents/files/doc_4832.pdf
13. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình (2015). Thiết kế kỹ thuật – Dự toán, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.
14. Thủ tướng Chính phủ (2007). Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 12/3/2007 Phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển

Nông thôn năm 2007-2008.

Tiếng Anh

15. An, Le Van (2006), “Towards upland sustainable development: livelihood gains and resource management in central Vietnam”, in Tyler, Stephen R. (ed.), *Communities, Livelihoods and Natural Resources: Action Research and Policy Change in Asia*, Ottawa: International Development Research Centre, 2006, Chapter 5, pp. 85-105

16. Colchester (1995), M. *Sustaining the Forests: The Community-based Approach in South and South-east Asia*, *Development and Change* 25 (1): 69-100.

THE STATUS OF LAND USE AND MANAGEMENT AT AGRICULTURE AND FOREST ENTERPRISES COMMUNITY BASED IN HOA BINH PROVINCE – A CASE STUDY AT HOA BINH FORESTRY Co. Ltd

Phạm Thanh Quế¹, Phạm Phương Nam², Nguyễn Văn Quân², Nguyễn Nghĩa Biên³

SUMMARY

Arrangement and reforming for Agricultural and Forest Enterprises are one of the importance tasks within the reforming process of Forestry sector. This process builds up the fundamentals for the development of the enterprises. One typical and pioneer company within the reforming process in Hoa Binh province is Hoa Binh Forestry Co. Ltd. The company has been owning the large area of land in Hoa Binh province. Production and business model of the company is self-organized production. However, due to the large area of land, spread over multiple geographical areas so the company had to rely on local communities in the form of direct contracting, joint ventures and partnerships with local communities. Currently, the area of the company is managed, use is 11,510.2 ha, in recent years the forest area allocated to community management and use is increasing mainly in the form of joint ventures. Therefore, this study focused on analyzing the status of land use and management at the Forestry Company Limited. Peace Research and Analysis pointed out the advantages and disadvantages that existed in the use of land and community-based management of the company. which proposed a number of measures to strengthen the management and use of forest land.

Keywords: communities, community-based, Hòa Bình, land, land use and management.